Unit 3: CITIES OF THE FUTURE TEST 3

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from that of the other three in pronunciation in each of the following questions.

Question 1: A. cycle	B. city	C. privacy	D. community	
A. cycle /'sai.kəl/				
B. city /'sɪt.i/				
C. privacy /'prai.və.si/				
D. community /kəˈmju:.nə.ti/				
Question 2: A. sensor	B. smart	C. reason	D. <u>s</u> ustain	
A. sensor /'sen.sər/				
B. smart /sma:t/				
C. reason /'ri:.zən/				
D. sustain /sə'steɪn/				
Mark the letter A, B, C, or D on y	our answer sheet to in	dicate the word that dij	ffers from the other three in	
the position of stress in each of th	e following questions.			
Question 3: A. carbon	B. private	C. reduce	D. problem	
A. carbon /ˈkɑː.bən/				
B. private /'prai.vət/				
C. reduce /rɪ'dju:s/ (British)				
D. problem /ˈprɒb.ləm/				
Question 4: A. museum	B. operate	C. architect	D. character	
A. museum /mju'zi:.əm/				
B. operate /'pp.ər.eit/				
C. architect /'a:.ki.tekt/				
D. character /ˈkær.ək.tər/				
Mark the letter A, B, C, or D on y	our answer sheet to in	dicate the correct answ	ver to each of the following	
questions.				
Question 5: The new app is a solution finding parking in the city.				
A. for B. to	C	C. of	D. in	
Solution to something: cách giải quyết cho vấn đề nào đó.				

Question 6: Using the card, you can pay for the tram quickly by your credit card.				
A. machine	B. tool	C. reader	D. scanning	
Card reader: thiết bị đọc thẻ				
Question 7: The local garde	en brings a sense of	to the neighborhood.		
A. privacy	B. article	C. community	D. sensor	
Sense of community: ý thức	cộng đồng			
Question 8: In a survey abo	ut urban experience, peopl	e report that they often	safer in a smart city.	
A. feel	B. are feeling	C. are not feeling	D. don't feel	
Stative verbs: feel (dùng ở th	hì hiện tại đơn trong ngữ c	ảnh này)		
Trong một cuộc khảo sát về			n thấy an toàn hơn ở một	
thành phố thông minh.	2,	. 3	,	
Question 9: The modern sky	vscraper looks wi	ith a beautiful lighting syste	em, especially at night.	
A. terribly	B. terrific	C. terrifically	D. terrible	
A. terribly (adv) tệ hại		B. terrific (adj) tuyệt vò		
C. terrifically (adv) tuyệt vời D. terrible (adj) tệ hại				
Look (linking verb) + adj	1	D. terriore (aug) te nar		
, , ,				
Dựa vào ngữ cảnh: chọn B				
Read the following advertis	ement/announcement and	l mark the letter A. R. C. o	r D on vour answer sheet	
Read the following advertisement/announcement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 10 to 15.				
APARTMENT FOR RENT				
		TORKETT		
Apartment Features:				
□ 2 (10) bedrooms with big windows				
Close to popular shops, cafes, and restaurants				
Large living room with (11) natural light				
We ensure this apartment (12)the most comfortable, and convenient design!				
Buy now: www. realestatemodern.com				
Question 10: A. space	B. spaciously	C. spacious	D. spaciousness	
A. space (n)	B. spaciously (adv)			

D. spaciousness (n)

C. spacious (adj)

Overtion 11. A money	D a lata of	C. lots of	D. lot of		
Question 11: A. many	B. a lots of	C. IOIS OI	D. lot of		
B và D sai về cách sử dụng	~ . ~ 1/) .	11: 1, /11 2 12 1	`		
A> nếu dùng trong ngữ cảnh này	sẽ sai ngữ pháp vi natu	ral light (không đêm đ	rtóc)		
0 4 40 4 1		.			
Question 12: A. have	on 12: A. have B. has C. is having D. are having				
Dùng thì HTĐ					
Anno	uncement: Pedestrian Z	Zone Maintenance			
We are sorry to inform you that the pec	lestrian zone will be close	ed for maintenance.			
Here are what will happen in our neigh	aborhood:				
Maintenance work starts on Tuesco	lay, August 22.				
Workers will repair the (13)	·				
● It will look (14)again wh	en it is finished.				
Please use another path (15) th	is tima				
	is time.				
Thank you for your cooperation!					
			D (2.1)		
Question 13: A. infrastructure	B. community	C. skyscraper	D. article		
Dựa vào nghĩa:	(0) 10 2 3	1~ · · · · · · · · · · · · · · · · · · ·			
Workers will repair the infrastruct	ure. (Cong nhân sẽ sửa	chữa cơ sơ hạ tăng.)			
Question 14: A. perfect	B. perfectly	C. imperfect	D. imperfectly		
A. perfect (adj)	B. perfectly (adv)	o. imperieec	D. Imperreetly		
C. imperfect (adj)	D. imperfectly (adv)				
ook (stative verb) + adj					
LOOK (Stative vero) + auj					
Question 15: A. while	B. when	C. about	D. during		
Question 15: A. while Dựa vào nghĩa, chỉ có A hoặc D thío		C. about	D. during		
-		C. about	D. during		
Dựa vào nghĩa, chỉ có A hoặc D thío		C. about	D. during		

Trước danh từ (bedrooms) cần TÍNH TỪ để bổ nghĩa

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct arrangement of the sentences to make a meaningful paragraph/letter in each of the following questions.

Question 16:

- a. This is especially good for families, the elderly, and people with disabilities.
- b. A pedestrian zone makes the area much safer.
- c. The area is also quieter and cleaner without traffic.
- d. Without cars, people can walk, shop, and meet others without worrying about accidents.
- e. Overall, pedestrian zones create a safer and more welcoming space for everyone.

A.
$$d - a - c - b - e$$

B.
$$b - d - c - e - d$$

D.
$$d - a - b - c - e$$

- b. Khu vực dành cho người đi bộ giúp khu vực an toàn hơn nhiều.
- d. Không có ô tô, mọi người có thể đi bộ, mua sắm và gặp gỡ người khác mà không phải lo lắng về tai nạn.
- a. Điều này đặc biệt tốt cho các gia đình, người già và người khuyết tật.
- c. Khu vực này cũng yên tĩnh và sạch sẽ hơn khi không có phương tiện giao thông.
- e. Nhìn chung, khu vực dành cho người đi bộ tạo ra không gian an toàn và chào đón hơn cho mọi người.

Question 17:

- a. This is creating dangerous situations for both cyclists and pedestrians.
- b. Despite signs, many do not use the designated crossing areas.
- c. I am writing to express my concern about people frequently crossing the cycle path in our area.
- d. Dear Sir/Madam,
- e. I kindly request that more measures be taken to ensure safety, such as better signage or barriers.
- f. Sincerely,
- g. Thank you for your attention to this matter.

A.
$$d - c - a - b - e - g - f$$

B.
$$d - e - a - c - b - g - f$$

C.
$$d - g - e - a - b - c - f$$

D.
$$d - c - a - f - b - e - g$$

- d. Kính gửi Ông/Bà,
- c. Tôi viết thư này để bày tỏ mối quan ngại của mình về tình trạng mọi người thường xuyên băng qua đường dành cho xe đạp trong khu vực của chúng tôi.
- a. Điều này đang tạo ra những tình huống nguy hiểm cho cả người đi xe đạp và người đi bộ.
- b. Mặc dù có biển báo, nhiều người vẫn không sử dụng các khu vực băng qua được chỉ định.
- e. Tôi yêu cầu thực hiện nhiều biện pháp hơn để đảm bảo an toàn, chẳng hạn như biển báo hoặc rào chắn tốt hơn.
- g. Cảm ơn sự quan tâm của bạn đến vấn đề này.
- f. Trân trọng,

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 23.

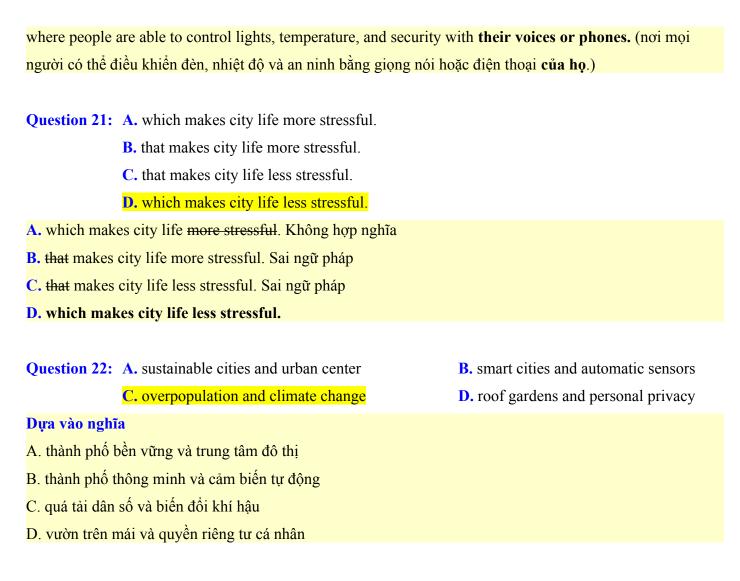
In the	year 2100, cities are li	kely to be very differer	at from what we see today	y. As technology
continues to g	row, (18)	For example	e, buildings might be des	igned to use energy from
the sun and w	ind, making them muc	h more eco-friendly. T	ransportation is also expe	ected to change a lot,
with more elec	ctric cars and buses, an	nd perhaps even flying	vehicles! Streets could b	e designed not just for
cars, but also	to provide more space	for people to walk and	bike. Green spaces, like	parks and gardens,
(19)	, helping	to make cities healthier	and more beautiful.	
Techno	ology is also expected	to make our lives easie	er. Smart homes could be	come the norm, where
people are abl	e to control lights, tem	perature, and security	with (20)	Communication
and work will	likely be more flexibl	e too, with more people	e working from home or	anywhere they want.
This could me	ean that long commute	s become less necessar	y, (21)	·
At the	same time, cities migh	nt face challenges like ((22)	To handle these
issues, cities v	will need to find new w	vays to manage resourc	es, like water and food, a	and to protect themselves
from natural d	lisasters. Communities	will need to work toge	ether to solve these probl	ems and ensure that
cities remain s	safe and livable. Overa	all, while cities in 2100	are expected to be more	advanced and
comfortable, ((23)	to make sure they	are good places for every	one to live.
			Adapted fr	om: https://futurecity.org
Question 18:	A. cities probably be	come smarter and more	efficient	
	B. cities is probably b	pecoming smarter and i	nore efficient	
	C. cities probably be	comes better and more	useful	
	D. cities are probably	becoming smarter and	more efficient	
A. cities prob	ably become smarter	and more efficient		
B. cities is pro	bably becoming smar	ter and more efficient		
C. cities proba	ably becomes better an	d more useful		
D. cities are p	robably becoming sma	arter and more efficient	(become ở ngữ cảnh này	không dùng ở tiếp diễn
được)				
Question 19:	A. will likely be more	e common	B. will likely be	more commonly
	C. will likely become	estranger	D. will likely be	come more strangely
A. will likely	be more common			
B. will likely	be more commonly			
C. will likely	become stranger (khôn	ng hợp nghĩa)		
D. will likely	<mark>become</mark> more strangel	y		

B. their voices or phones

D. her voices or phones

Question 20: A. his voices or phones

C. our voices or phones



Question 23: A. and they will still need to plan carefully

B. so they will still need to plan carefully

C. but they will still need careful planning

D. they will still need careful planning

WHILE cities in 2100 are expected to be more advanced and comfortable, they will still need careful planning to make sure they are good places for everyone to live.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 24 to 28.

In modern cities, the sense of community is very important but often hard to find. With so many people
living close together, it might seem (24) to build connections, but the fast pace of city life can make
it difficult. People are often busy with work, commuting, and other responsibilities, leaving little time to get
to know their (25) However, a strong sense of community can make city life much better. When
people feel connected to those around them, they are more likely to help each other and work together to
improve their neighborhood. (26), communities can organize events like street fairs or clean-up days,
which bring people together and make the area nicer for everyone. Public spaces like parks, pedestrian
zones, and community centers also play a big role in creating a sense of belonging. These places give people

someone with their groceries, can (27) a big difference. When people feel they belong, they are happier and more willing to contribute to their community. In the end, the sense of community in modern cities is something that needs to be nurtured, but it brings (28) benefits, making city life richer and more enjoyable for everyone. Adapted from https://www.smartcitiesworld.net Question 24: A. easy **B.** easily C. easier **D.** more easily A. easy (adj) **B.** easily (adv) C. easier **D.** more easily Seem + adj Question 25: A. pedestrians **B.** neighbors C. skyscrapers **D.** dwellers People are often busy with work, commuting, and other responsibilities, leaving little time to get to know their **neighbors** (Moi người thường bân rôn với công việc, đi lai và các trách nhiệm khác, không có nhiều thời gian để tìm hiểu về hàng xóm của mình) **Question 26:** A. For example **B.** In short C. Due to **D.** Nevertheless For example, communities can organize events like street fairs or clean-up days, which bring people together and make the area nicer for everyone. (Ví dụ, cộng đồng có thể tổ chức các sự kiện như hội chợ đường phố hoặc ngày don dep, giúp mọi người xích lại gần nhau hơn và làm cho khu vực trở nên đẹp hơn đối với tất cả mọi người.) **Question 27: A.** give C. make D. have B. take Make a difference: tao ra su khác biệt Question 28: A. much **B.** little C. few D. many Benefits (N đếm được số nhiều) --> dùng many hoặc few Few sai nghĩa --> chọn D

a chance to meet, talk, and build friendships. Even small things, like saying hello to a neighbor or helping

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 29 to 33.

Pedestrian zones, also known as car-free zones, are areas within a city where vehicles are prohibited, allowing only foot traffic. These zones offer a variety of benefits, but they also come with several challenges that need careful consideration.

One of the <u>primary</u> advantages of pedestrian zones is the improvement in air quality. With fewer cars on the road, there is a significant reduction in air pollution, making the environment healthier for residents and visitors. Additionally, pedestrian zones can enhance the safety of city centers by reducing the

number of traffic accidents involving pedestrians. The absence of vehicles also creates a more pleasant and accessible space for walking, shopping, and socializing, which can boost local businesses.

However, creating pedestrian zones can also present challenges. For example, local businesses that rely on vehicle traffic might experience a decrease in customers. Deliveries to stores within the zone can become more complicated and costly, requiring careful planning and coordination. Moreover, pedestrian zones may lead to increased traffic congestion in surrounding areas as drivers seek alternative routes. Cities must carefully balance the benefits of pedestrian zones with the potential drawbacks to ensure they create a positive impact on both the environment and the local economy.

Transforming a busy city street into a pedestrian zone also requires significant investment. Streets need to be repaved or redesigned to accommodate foot traffic, and additional amenities such as benches, lighting, and signage may need to be installed on **them**. These upgrades can be expensive, and cities must carefully consider the costs and benefits before making such a decision.

Adapted from https://www.smartcitiesworld.net

Question 29: What would be the best title for the passage?

A. The benefits and challenges of pedestrian zones

- **B.** Ways to design a pedestrian zone.
- **C.** The history and future of urban transportation
- **D.** The impact of car-free areas on cities

A. The benefits and challenges of pedestrian zones (Lợi ích và thách thức của các khu vực dành riêng cho người đi bộ)

Giải thích + Dẫn chứng:

Đoạn văn mô tả chi tiết về các khu vực dành riêng cho người đi bộ (pedestrian zones), nhấn mạnh cả lợi ích và thách thức của việc phát triển các khu vực này. Lợi ích bao gồm cải thiện chất lượng không khí, tăng cường an toàn cho người đi bộ, và thúc đẩy kinh doanh địa phương. Tuy nhiên, nó cũng đề cập đến các khó khăn như giảm doanh thu cho các doanh nghiệp phụ thuộc vào giao thông xe cộ, tăng chi phí vận chuyển, và khả năng gây ra tắc nghẽn giao thông ở các khu vực lân cận.

Vì vậy, tiêu đề A. The benefits and challenges of pedestrian zones là phù hợp nhất.

Question 30: What does the word "primary" in the passage mostly mean?

A. main

B. common

C. easy

D. usual

A. main (chính)

B. common (phổ biến)

C. easy (dễ dàng)

D. usual (thường xuyên)

Từ "primary" trong đoạn văn có nghĩa là "chính" hoặc "chủ yếu", chỉ lợi ích chính của các khu vực dành cho người đi bộ. Vì vậy, đáp án đúng là **A

Question 31: According to the passage, who can be negatively affected by creating pedestrian zones?

A. local businesses

B. customers

C. pedestrians

D. local authorities

Theo đoạn văn, ai có thể bị ảnh hưởng tiêu cực bởi việc tạo ra các khu vực dành riêng cho người đi bộ?

- A. local businesses (các doanh nghiệp địa phương)
- B. customers (khách hàng)
- C. pedestrians (người đi bộ)
- D. local authorities (các cơ quan địa phương)

Giải thích: "However, creating pedestrian zones can also present challenges. For example, local businesses that rely on vehicle traffic might experience a decrease in customers." Đoạn văn chỉ ra rằng các doanh nghiệp địa phương có thể bị ảnh hưởng tiêu cực khi số lượng khách hàng giảm do xe cộ bị hạn chế. Vì vậy, đáp án đúng là A. local businesses.

Question 32: According to the passage, which of the following sentences is **NOT** true?

- **A.** Creating pedestrian zones improves the air quality.
- **B.** Pedestrian zones help reduce the number of vehicles.
- **C.** Pedestrian zones may lead to more traffic congestion.
- **D.** It is cheap to transform city streets into pedestrian zones.

Theo đoạn văn, câu nào sau đây là KHÔNG đúng?

- A. Creating pedestrian zones improves the air quality. (Tạo ra các khu vực dành riêng cho người đi bộ cải thiện chất lượng không khí.)
- B. Pedestrian zones help reduce the number of vehicles. (Các khu vực dành riêng cho người đi bộ giúp giảm số lượng xe cộ.)
- C. Pedestrian zones may lead to more traffic congestion. (Các khu vực dành riêng cho người đi bộ có thể dẫn đến tắc nghẽn giao thông nhiều hơn.)
- D. It is cheap to transform city streets into pedestrian zones. (Việc chuyển đổi đường phố thành khu vực dành riêng cho người đi bộ là rẻ.)

Tài liệu bản word phát hành trên website Tailieuchuan.vn

Giải thích: Transforming a busy city street into a pedestrian zone also requires significant investment. Đoạn văn nói rằng việc chuyển đổi đường phố thành khu vực dành riêng cho người đi bộ cần một lượng đầu tư rất đáng kể.

D. upgrades

Question 33: What does the word "them" in paragraph 3 refer to?

A. amenities B. benches C. streets

Từ "them" trong đoan 3 chỉ về điều gì?

A. amenities (tiện nghi)

- B. benches (ghế dài)
- C. streets (đường phố)
- D. upgrades (nâng cấp)

Streets need to be repaved or redesigned to accommodate foot traffic, and additional amenities such as benches, lighting, and signage may need to be installed on **them**. (**Duờng phố** cần được trải nhựa lại hoặc thiết kế lại để phù hợp với nhu cầu đi bộ và có thể cần lắp đặt thêm các tiện ích khác như ghế dài, đèn chiếu sáng và biển báo lên **chúng**.)

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 34 to 40.

Singapore is one of the world's leading smart cities. It uses <u>advanced</u> technology to make life easier and better for its people. For example, Singapore has a smart transportation system. The buses and trains are connected to the internet, so people can check the schedules in real time on their phones. This helps them know exactly when the next bus or train is coming, making travel more <u>convenient</u>. In addition, the city also focuses on saving energy. Many buildings in Singapore have smart systems that control lights and air conditioning. These systems only use energy when it is needed, which helps to save electricity and reduce costs. Singapore is also working on being a green city by planting more trees and using more solar power.

Safety is another important part of Singapore's smart city plan. The government always uses cameras and sensors to monitor the streets. This helps to keep the city safe and allows the police to respond quickly to any problems. People in Singapore feel more secure knowing that the city is always watching out for **them**. In short, in Singapore, technology is used to improve daily life in many ways. The city's goal is to become even smarter in the future by continuing to develop and use new technologies. Singapore shows how a smart city can use technology to create a better environment for everyone who lives there.

Adapted from: https://www.gov.sg

Question 34: What would be the best title for the passage?

A. The role of technology in modern cities.

B. How Singapore became a smart city.

C. The future of urban and modern living.

D. Transportation systems around the world.

Tiêu đề nào là phù hợp nhất cho đoạn văn?

B. How Singapore became a smart city (Cách Singapore trở thành thành phố thông minh) Giải thích + Dẫn chứng:

Đoạn văn mô tả các cách mà Singapore sử dụng công nghệ tiên tiến để cải thiện cuộc sống hàng ngày của người dân. Từ hệ thống giao thông thông minh, các tòa nhà tiết kiệm năng lượng, cho đến các biện pháp an toàn, tất cả đều thể hiện Singapore như một thành phố thông minh. Đoạn văn cũng nhấn mạnh mục tiêu của Singapore là tiếp tục phát triển và sử dụng công nghệ mới để trở nên thông minh hơn nữa trong tương lai.

 Question 35: The word "advance" in paragraph 1 is opposite in meaning to ______.

 A. Simple
 B. Complex
 C. Modern
 D. Useful

 Tù "advance" trong đoạn 1 có nghĩa trái ngược với từ nào?

 A. Simple (Đơn giản)

 B. Complex (Phức tạp)

C. Modern (Hiện đại)			
D. Useful (Hữu ích)			
Giải thích:			
Từ "advance" có nghĩa là	"tiên tiến" hoặc "cao cấp	". Từ trái nghĩa với "advai	nce" là A.
Simple (đơn giản).			
Question 36: According	to the passage, what is the	e purpose of using smart s	ystems in Singapore?
A. To monitor we	ather conditions	B. To im	prove public safety
C. To control water	C. To control water and air pollution D. To guide tourists around the city		
Theo đoạn văn, mục đích	của việc sử dụng các hệ t	thống thông minh ở Singa _l	pore là gì?
A. To monitor weather co	onditions (Để điều chỉnh đ	điều kiện thời tiết)	
B. To improve public safe	ety (Để cải thiện an toàn c	công cộng)	
C. To control water and a	ir pollution (Để kiểm soá	t ô nhiễm nước và không l	khí)
D. To guide tourists aroun	nd the city (Để hướng dẫr	n du khách quanh thành ph	nố)
Giải thích: Many buildin	gs in Singapore have sma	art systems that control lig	ghts and air conditioning.
Theo đoạn văn, các hệ thố	ồng thông minh ở Singapo	ore được sử dụng để điều l	khiển điều kiện ánh sáng và
không khí. Vì vậy, đáp án	dúng là A. To monitor	weather conditions	
Question 37: The word "	convenient" in paragrap	h 1 is closest in meaning t	0
A. Difficult	B. High – rise	C. Useful	D. Reliable
A. Difficult (Khó khăn)			
B. High-rise (Cao tầng)			
C. Useful (Hữu ích)			
D. Reliable (Đáng tin cậy)		
Giải thích:			
Từ "convenient" có nghĩa	là "thuận tiện" hoặc "tiệr	n lợi". Trong ngữ cảnh này	y, từ đồng nghĩa gần nhất là C.
Useful (hữu ích).			
Question 38: What does the word " <u>them</u> " in paragraph 2 refer to?			
A. The police	B. Singaporean	C. the streets	D. problems
Từ "them" trong đoạn 2 c	hỉ về điều gì?		
A. The police (Cảnh sát)			
B. Singaporean (Người Singapore)			
C. the streets (Những con đường)			
D. problems (Các vấn đề)			
Giải thích: People in Singapore feel more secure knowing that the city is always watching out for them .			
(Người dân Singapore cảm thấy an toàn hơn khi biết rằng thành phố luôn quan tâm đến họ.)			

- Question 39: Which of the following statements is **NOT** true according to the passage?
- **A.** Singapore uses smart systems to save energy in buildings.
- **B.** The transportation system in Singapore is connected to the internet.
- **C.** Singapore has planted fewer trees to focus on technology.
- **D.** The city aims to use more solar power in the future.

Câu nào sau đây KHÔNG đúng theo đoạn văn?

- A. Singapore uses smart systems to save energy in buildings. (Singapore sử dụng các hệ thống thông minh để tiết kiệm năng lượng trong các tòa nhà.)
- B. The transportation system in Singapore is connected to the internet. (Hệ thống giao thông ở Singapore được kết nối với internet.)
- C. Singapore has planted fewer trees to focus on technology. (Singapore đã trồng ít cây hơn để tập trung vào công nghệ.)
- D. The city aims to use more solar power in the future. (Thành phố nhằm mục tiêu sử dụng nhiều năng lượng mặt trời hơn trong tương lai.)

Giải thích: Singapore is also working on being a green city by planting more trees and using more solar power.

Đoạn văn nói rằng Singapore đang nỗ lực trở thành một thành phố xanh hơn bằng cách trồng thêm cây và sử dụng năng lượng mặt trời nhiều hơn, không phải là trồng ít cây hơn. Vì vậy, đáp án đúng là C.

Question 40: Which of the following can be inferred about the safety measures in Singapore?

- **A.** They are mostly manual and require a lot of human effort.
- **B.** They rely heavily on technology to ensure public safety.
- **C.** They are only effective in certain parts of the city.
- **D.** They are primarily focused on preventing natural disasters.
- A. They are mostly manual and require a lot of human effort. (Chúng chủ yếu là thủ công và đòi hỏi nhiều công sức của con người.)
- B. They rely heavily on technology to ensure public safety. (Chúng dựa nhiều vào công nghệ để đảm bảo an toàn công cộng.)
- C. They are only effective in certain parts of the city. (Chúng chỉ hiệu quả ở một số khu vực nhất định trong thành phố.)
- D. They are primarily focused on preventing natural disasters. (Chúng chủ yếu tập trung vào việc ngăn ngừa thiên tai.)

Giải thích: Safety is another important part of Singapore's smart city plan. The government always uses cameras and sensors to monitor the streets. This helps to keep the city safe and allows the police to respond quickly to any problems.

Đoạn văn đề cập rằng Singapore sử dụng camera và cảm biến để giám sát các con đường, điều này cho thấy các biện pháp an toàn ở Singapore phụ thuộc nhiều vào công nghệ. Vì vậy, đáp án đúng là B. They rely heavily on technology to ensure public safety.